CHỦ TRANG TRẠI NGUYỄN THỊ THANH THỦY

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA TRANG TRẠI CHĂN NUÔI TỔNG HỢP TẠI XÃ PHÙ LƯU, HUYỆN LỘC HÀ

Địa chỉ: Xã Phù Lưu, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh

Hà Tĩnh, tháng 11 năm 2024

CHỦ TRANG TRẠI NGUYỄN THỊ THANH THỦY

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA TRANG TRẠI CHĂN NUÔI TỔNG HỢP TẠI XÃ PHÙ LƯU, HUYỆN LỘC HÀ

Địa chỉ: Xã Phù Lưu, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh

CHỦ CƠ SỞ
CHỦ TRANG TRẠI

Nguyễn Thị Thanh Thủy

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG HÀ TĨNH
GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 3002032223 CÔNG TY T.N.H.H MÔI TRƯỜNG HÀ TĨNH H. THẠCH HÀ - T. HÀ TĨNH

Nguyễn Ngọc Tú

Hà Tĩnh, tháng 11 năm 2024

MỤC LỤC

CHƯƠNG I.....1
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ 1
1. Tên chủ cơ sở.....1
2. Tên cơ sở 1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở.....1
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở.....1
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở 1
3.3. Sản phẩm của cơ sở 2
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hoá chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....4
4.1. Nguyên liệu.....4
4.2. Sử dụng nước.....5
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở.....6
5.1. Vị trí cơ sở 6
5.2. Quy mô công trình cơ sở 7
5.3. Thông tin của cơ sở 8
CHƯƠNG II 9
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH,.....9
KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG 9
1. Sự phù hợp của cơ sở đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường 9
2. Sự phù hợp của cơ sở đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường.....10
CHƯƠNG III.....11
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, ...11
BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....11
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....11
1.1. Thu gom, thoát nước mưa 11
1.2. Thu gom, thoát nước thải 11
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....14
CHƯƠNG IV.....21
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....21
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải 21
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải 22
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn 22
CHƯƠNG V 23
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....23
CHƯƠNG VI.....24
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 24
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.....24
2. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật.....24

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....24
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải.....25
CHƯƠNG VII 26
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA 26
VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ 26
CHƯƠNG VIII.....27
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....27
PHỤ LỤC BÁO CÁO 1

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Quy trình nuôi gà tại cơ sở 2
Hình 1.2. Vị trí cơ sở trên bản đồ vệ tinh 7

Hình 3. 1. Rãnh thoát nước mưa chảy tràn.....11
Hình 3. 2. Sơ đồ thu gom thoát nước thải 12
Hình 3. 3. Sơ đồ nguyên lý hoạt động của bể tự hoại 3 ngăn.....13
Hình 3. 4. Hồ sinh học của cơ sở.....14
Hình 3. 6. Sơ đồ thu gom rác thải sinh hoạt 15

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Vaccin và thuốc sử dụng trong cơ sở.....4
Bảng 1. 2. Danh mục các hạng mục tại cơ sở 7

Bảng 4.1. Khối lượng các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt 21

Bảng 5. 1. Kết quả quan trắc nước thải 23

CHƯƠNG I
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở:

- Chủ cơ sở: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy.
- Địa chỉ văn phòng: xã Phù Lưu, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh.
- Người đại diện: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy – Chủ trang trại.
- Điện thoại: 0911.098.579.

2. Tên cơ sở:

- Tên cơ sở: Trang trại chăn nuôi tổng hợp tại xã Phù Lưu, huyện Lộc Hà.
- Địa điểm cơ sở: thôn Thái Hòa, xã Phù Lưu, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh.
- Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 57/GXN-UBND ngày 22/12/2021 của UBND huyện Lộc Hà.
- Quy mô cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Cơ sở có tổng mức đầu tư 2.300.000.000 đồng cơ sở thuộc nhóm C (Mục IV Phần C - Danh mục phân loại dự án đầu tư công được ban hành kèm theo Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công).

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

- Quy mô diện tích cơ sở 4,93ha.
- Quy mô chăn nuôi: nuôi gà số lượng 500 con/lứa, 2 lứa/năm, nuôi vịt số lượng 1000 con/lứa, 2 lứa/năm; nuôi cá: rô phi, chép, trắm mè, diêu hồng, cá lăng, cá leo… (cơ sở không nuôi lợn và cam kết không nuôi lợn tại cơ sở).

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

a. Quy trình chăn nuôi gà công nghiệp

- Chọn giống một ngày tuổi:

Chọn những con khỏe mạnh, nhanh nhẹn, thân hình cân đối, mắt tròn sáng, chân đứng vững, ngón chân không vẹo, lông bông tơi xốp, cánh áp sát vào thân, bụng thon mềm, không xệ, rốn khô và kín. Những cá thể chọn cần tiêm phòng ngay tại trạm ấp bằng vaccine trước khi nhập về cơ sở.

- Yêu cầu kỹ thuật:

+ Mật độ nuôi 12 – 15 con/m^2.

+ Khay ăn hình chữ nhật (60x70): 2 chiếc/100 con.

+ Máng uống tròn loại 1 lít và 3,8 lít: 2 chiếc/100 con.

+ Nhiệt độ chuồng nuôi: 35 – 25^{0}C.

Trước khi thả à vào chuồng cần bố trí máng ăn, máng uống sẵn sàng, xen

kẽ nhau và sưởi ấm chuồng trước đó 2 đến 3 giờ. Làm quây úm gà hình tròn có đường kính 2 – 3m bằng cót ép, nếu thời tiết lạnh phải kéo kín rèm che trong tuần đầu.

Cho gà uống Vitamin C cùng với đường Glucose theo tỷ lệ 50g đường + 1g Vitamin C hòa trong một lít nước cho uống trước khi cho ăn.

Quan sát đàn gà để điều chỉnh nhiệt độ trong quay. Khi nhiệt độ quá cao, đàn gà sẽ tản ra xung quanh quay, ngược lại khi thiếu nhiệt đàn gà sẽ dồn vào giữa quay dưới chụp sưởi. Khi nhiệt độ thích hợp đàn gà sẽ nhanh nhẹn phân bố đều trong quay.

- Thức ăn dinh dưỡng và chăm sóc:

+ Gà được ăn tự do từ 0 đến 1 tuần tuổi đối với gà trống và từ 0 đến 3 tuần tuổi đối với gà mái. Mỗi ngày cho gà ăn 6 – 8 lần, lượng thức ăn cho mỗi lần vừa đủ tránh để thức ăn tồn lưu lâu ngày trong máng gây mất vệ sinh. Trước lúc cho thức ăn mới vào phải sàng thức ăn cũ. Thay nước uống 3 – 4 lần trong ngày, cọ rửa máng uống sạch sẽ.

+ Tiến hành cắt mỏ vào tuần thứ 2 để tránh gà mổ cắn lẫn nhau. Dùng dao sắc nung đỏ trên bếp than hoặc bếp dầu (hoặc dao cắt bằng điện) cắt 1/3 chiều dài mỏ tính từ ngoài vào sau khi cắt xong lai lại vết cắt nhằm tránh chảy máu. Chú ý trước và sau khi cắt mỏ 1 – 2 ngày cho gà uống Vitamin C và K.

+ Sau một tuần nới rộng quây và sau 2 tuần có thể bỏ quây tùy thời tiết.

+ Thay đổi máng ăn, máng uống cho hợp lý theo tuần tuổi của đàn gà, sau 1 tuần có thể thay máng ăn vuông bằng máng ăn tròn, thay máng uống tròn bằng máng uống dài (chú ý thay đổi máng từ từ).

+ Thay mới một phần hoặc toàn bộ chất độn chuồng nếu bị ẩm ướt.

+ Ghi chép lượng thức ăn, thuốc thú y đã sử dụng hàng ngày cho đàn gà cũng như số gà chết, loại thải để tiện tính toán lời lãi sau mỗi đợt nuôi.

+ Sử dụng thuốc gia cầm theo lịch (theo quy trình).

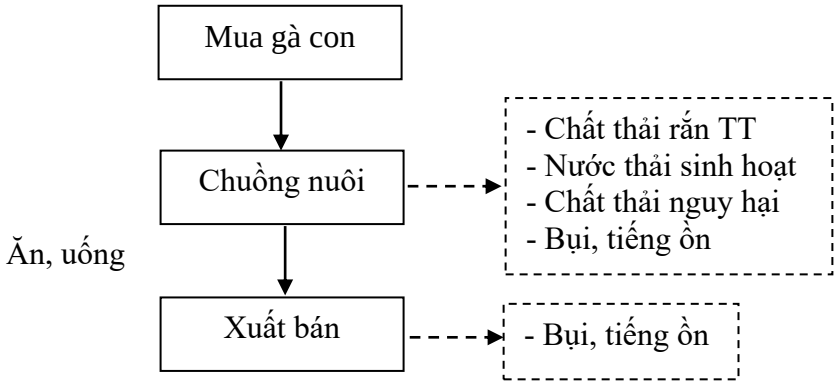

Hình 1.1. Quy trình nuôi gà tại cơ sở

b. Chăn nuôi vịt

- Con giống

Người nuôi có thể chọn nhiều loại giống vịt khác nhau để chăn nuôi như: Vịt trời giống, vịt C.V. Super M siêu thịt, vịt Anh Đào… Vịt con đạt tiêu chuẩn là khi mới nở rốn khô, lông mượt, chân mỏ bóng, nhanh nhẹn, có thể trọng từ 45 g trở lên, loại bỏ con dị tật hở rốn...

- Mật độ

Tùy điều kiện chăn nuôi, mùa vụ và khí hậu cụ thể có thể quyết định diện tích chuồng nuôi, mật độ nuôi thích hợp để vịt sinh trưởng phát triển tốt, hạn chế lây nhiễm bệnh tật. Vịt 0 - 2 tuần tuổi: 22 con/m^2; vịt 2 - 3 tuần tuổi: 12 con/m^2; vịt 4 - 6 tuần tuổi: 6 - 8 con/m^2; vịt 7 - 8 tuần tuổi: 4 - 5 con/m^2.

- Quản lý, chăm sóc

Trước khi bắt vịt về, chuồng phải được sưởi ấm trước đó 3 - 5 tiếng đồng hồ. Sau khi vịt nở 12 tiếng đồng hồ nên cho vịt uống nước sôi để nguội.

Nhiệt độ chuồng nuôi: Vịt 1 - 3 ngày tuổi, nhiệt độ yêu cầu 36 - 38^{0}C; từ ngày thứ 4 mỗi ngày giảm 1^{0}C cho đến khi đạt nhiệt độ chuồng là 20^{o}C.

Độ ẩm duy trì khô ráo, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông.

Chế độ chiếu sáng: 2 tuần đầu duy trì chế độ chiếu sáng 24/24 giờ, sau đó giảm xuống 18/24 giờ. Cường độ ánh sáng: Với vịt 1 - 10 ngày 2 W/m^2 (bóng đèn tròn); trên 10 ngày 0,5 W/m^2 (bóng đèn tuýp). Ban ngày dùng ánh sáng tự nhiên, ban đêm thắp đèn.

- Nước uống

Cần phải cho vịt uống nước sạch. Trong 7 ngày đầu dùng máng uống 2 lít sau đó dùng máng 5 lít. Nuôi vịt thịt cho ăn tự do nên lượng nước uống cũng phải cung cấp nhiều (thường gấp 2 lần so với lượng thức ăn), do vậy từ 5 tuần trở đi có thể cho uống bằng máng xây ngoài sân chơi, hoặc máng nhựa hình chữ nhật. Máng uống phải dễ cọ rửa, làm vệ sinh, vịt uống được nhưng không tắm được.

- Thức ăn

Nên cho vịt ăn thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dưới dạng bột. Phải đảm bảo thức ăn luôn mới, thơm, không bị mốc mọt. Thức ăn phải cân đối về thành phần giá trị dinh dưỡng để đáp ứng đủ nhu cầu sinh trưởng và phát triển của vịt trong từng giai đoạn. Ngoài ra, cần phải bổ sung thêm bổ dung thêm vitamin và khoáng vi lượng đầy đủ.

- Chăm sóc

Vì vịt có sở thích sục nước, đi phân lỏng, té nước lên chất độn chuồng, khi chất độn này bị ẩm ướt vịt con sẽ dễ bị cảm lạnh. Đồng thời tạo điều kiện cho nấm mốc, ký sinh, giun sán, vi khuẩn phát triển gây bệnh cho đàn vịt. Chính vì vậy, cần thường xuyên thay chất độn chuồng khô cho vịt để phòng bệnh, giúp vịt sinh trưởng nhanh, khỏe mạnh.

Trước cửa chuồng nuôi cần phải có hố khử trùng để thực hiện nghiêm túc

các biện pháp phòng trừ dịch bệnh cho đàn vịt.

Mỗi chuồng nuôi, bà con chỉ nên nuôi một loại vịt cùng lứa. Nếu không cùng lứa thì chỉ nên nuôi 2 lứa cách nhau 2 - 5 ngày.

Chuồng nuôi cần thường xuyên vệ sinh sạch sẽ.

Cách ly và loại bỏ những con ốm yếu, bệnh tật ra khỏi khu vực chăn nuôi và có biện pháp xử lý, tiêu hủy đúng quy định để không làm ảnh hưởng đến cả đàn.

Tuân thủ lịch tiêm phòng vaccine cho vịt.

3.3. Sản phẩm của cơ sở

Xuất bán gà lấy thịt với quy mô 500 con/lứa, vịt 1000 con/lứa và cá các loại gồm rô phi, chép, trắm mè, diêu hồng, cá lăng, cá leo….

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hoá chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

4.1. Nguyên liệu

Đối với chăn nuôi gà nguyên liệu sử dụng tại cơ sở gồm thức ăn chăn nuôi, thuốc phòng bệnh, chữa bệnh và vật liệu lót nền chuồng nuôi.

a. Thức ăn:

* Thức ăn cho gà

Theo thực tế từ các trang trại chăn nuôi gà khác thì hiện nay chăn nuôi gà sử dụng 100% thức ăn hỗn hợp được chia như sau:

- Đối với nuôi gà thịt quy mô 500 con:

+ Giai đoạn úm (1 – 15 ngày) 30 bao 25kg.

+ Giai đoạn 1 (15 – 40 ngày) 60 bao 25kg.

+ Giai đoạn 2 (40 - 80 ngày) 180 bao 25kg.

+ Giai đoạn vỗ béo (80 ngày đến xuất bán) 130 bao 25kg.

Tổng số thức ăn sử dụng cho cả giai đoạn (khoảng 100 ngày) là 130 bao 25kg.

Tổng số thức ăn sử dụng cho cả giai đoạn đối với 500 con là 5 tấn thức ăn hỗn hợp.

* Thức ăn cho vịt

Giai đoạn từ 01- 28 ngày tuổi 1,6kg/con

Giai đoạn từ 29 ngày – xuất chuồng là 7,0kg/con

Với số lượng nuôi là 1000 con thì khối lượng thức ăn là 8,6 tấn.

b. Thuốc phòng chữa bệnh

Bảng 1.1. Vaccin và thuốc sử dụng trong cơ sở

TT	Ngày tuổi	Loại vaccin và cách sử dụng	Số lượng
Vaccin dùng cho gà			
1	1 – 4 ngày đầu	Cho gà con uống thuốc bổ gồm Vitamin B1, B Complex	10 lọ

		(đường uống)	
2	7 ngày tuổi	Vaccin Lasota (nhỏ vào mắt, mũi)	25 lọ
3	10 – 15 ngày tuổi	Vaccin Gumboro (nhỏ vào mắt, mũi)	5 lọ
4	20 – 25 ngày tuổi	Vaccin Lasota (nhỏ vào mắt, mũi)	25 lọ
5	2 tháng tuổi	Vaccin Niucatxon H1 (tiêm dưới da) Vaccin Tụ huyết trùng (tiêm dưới da)	10 lọ
6	4 tháng tuổi	Vaccin Đậu gà	10 lọ
Vaccin dùng cho vịt			
1	1 ngày tuổi	Vaccine phòng bệnh Viêm gan vịt & bệnh Rụt mỏ vịt	10 lọ
2	1-3 ngày tuổi	Kháng thể/Vaccine phòng E.coli (bệnh viêm rốn, tiêu chảy)	10 lọ
4	10 ngày tuổi	Vaccine Dịch tả vịt (mũi 1)	20 lọ
5	12 ngày tuổi	Vaccine phòng Cúm gia cầm (lần 1)	20 lọ
7	21-23 ngày tuổi	Vaccine phòng bệnh E.coli, thương hàn & Tụ huyết trùng	15 lọ
9	38 - 40 ngày tuổi	Vaccine phòng dịch tả vịt (lần 2)	25 lọ
10	45 ngày tuổi	Accine phòng cúm gia cầm (lần 2)	25 lọ

c. Nhu cầu đệm lót sinh học

Đệm lót sinh học thường được dùng là vỏ trấu (Đối với gà thịt), được thu mua từ các cơ sở sử dụng nguyên liệu đốt trên địa bàn huyện Lộc Hà. Lợi ích của việc sử dụng đệm lót sinh học đó là thời gian sử dụng 6 – 12 tháng, làm tiêu hết phân do mùi hôi thối, khí độc trong nhà nuôi hầu như không còn, tạo môi trường sống tốt không ô nhiễm.

- Cách làm đệm lót đối với gà thịt cho 1 đợt nuôi:

+ Bước 1: Rải trấu trên toàn bộ nền chuồng dày 10cm sau đó thả gà vào.

+ Bước 2: Sau 7 – 10 ngày đối với gà nuôi úm, 2 -3 ngày đối với gà nuôi thịt, quan sát trên bề mặt chuồng khi nào thấy phân rải kín, dùng cào cào sơ qua lớp đệm lót.

+ Bước 3: Sau khi cào lớp mặt xong thì rắc đều chế phẩm lên men toàn bộ bề mặt chất độn, tiếp tục dùng tay xoa lên bề mặt để men được phân tán đều khắp nơi.

Khối lượng đệm lót sinh học sử dụng cho nhà nuôi gà 1 đợt nuôi gà thịt là 10cm x 4.061m^2 = 406,1m^3 tương đương với 52,79 tấn (khối lượng riêng của

trấu là 130kg/m^3). Khối lượng chế phẩm lên men cần sử dụng cho một đợt nuôi là 6kg/50m^2, với tổng diện tích nhà nuôi gà thịt là 4.061m^2 thì lượng chế phẩm lên men là 0,49 tấn. Như vậy tổng khối lượng đệm lót sinh học và chế phẩm lên men cho 1 đợt nuôi là 53,28 tấn.

4.2. Sử dụng nước

- *Nước sử dụng cho sinh hoạt:*

Tổng số công nhân viên làm việc tại cơ sở tối đa là 5 người. Nhu cầu sử dụng nước cho 01 người là 100 lít/ngày (theo TCXDVN 33:2006 bảng 2.1 – Mục 2 của Bộ Xây dựng). Như vậy tổng lượng nước sử dụng cho sinh hoạt là 0,5m^3/ngày.

- *Nước cấp cho trại gà:*

Theo định của công ty cung cấp thức ăn thì (1 kg thức ăn sẽ sử dụng 2 lít nước). Do đó, ước tính lượng nước cấp cho gà uống của cơ sở trong 01 đợt nuôi là 10m^3. Vậy lượng nước tối đa cần cung cấp cho gà uống hàng ngày tại cơ sở là: 10 ÷ 90 (ngày) = 0,11 m^3/ngày.

- *Nước cấp cho nuôi vịt:*

Nước sử dụng nuôi vịt thương phẩm là 0,5 lít/con/ngày, với lượng vịt thương phẩm là 1000 con thì lượng nước cần sử dụng là 0,5 lít/ngày.

- Tổng lượng nước sử dụng hàng ngày là 1,11m^3/ngày.

- Nguồn cung cấp nước cho sinh hoạt và chăn nuôi được cơ sở sử dụng nguồn nước mưa và một phần nước mặt hồ.

- Nước sử dụng PCCC:

Nhu cầu nước cứu hỏa theo TCVN 2622-1995 tiêu chuẩn cấp nước cứu hỏa là 10l/s = 36m^3/h, thời gian cấp nước chữa cháy trong 3 giờ, số đám cháy xẩy ra đồng thời là 1 đám cháy do đó công suất tính toán là 36x3=108m^3. Nước cứu hỏa được lấy từ hồ nước xung quanh truồng nuôi.

4.3. Nhu cầu sử dụng điện

Nguồn điện lấy từ điện lưới khu vực phục vụ sản xuất gồm thắp sáng, thông gió, sưởi ấm và các nhu cầu sinh hoạt tại cơ sở, tổng lượng điện tiêu thụ cao nhất là 7.500kwh/tháng.

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

5.1. Vị trí cơ sở

Khu vực cơ sở có diện tích 4,93ha thuộc vùng Sác Bàn – Hói Tùng thôn Thái Hòa, xã Phù Lưu, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh, vị trí, ranh giới như sau:

+ Phía Bắc giáp đất trồng lúa dài 162,8m;

+ Phía Nam giáp hồ nuôi trồng thủy sản dài 159,8m;

+ Phía Đông giáp trại chăn nuôi dài 309,8m;

+ Phía Tây giáp đất nuôi trồng thủy sản dài 302,2m.

Hình 1.2. Vị trí cơ sở trên bản đồ vệ tinh

5.2. Quy mô công trình cơ sở

Cơ sở đã hoàn thiện xây dựng các hạng mục công trình trên phần diện tích 4,93ha gồm các hạng mục sau:

Bảng 1. 2. Danh mục các hạng mục tại cơ sở

TT	Hạng mục công trình	Diện tích (m^2)
1	Lối vào	-
2	Sân đường nội bộ	1.489,03
3	Nhà điều hành	120,00
4	Chuồng nuôi gia cầm (3 nhà)	6.292,00
5	Chuồng úm và chăn nuôi gia cầm	200,00
6	Chuồng nuôi lợn siêu nạc	360,00
7	Ao nuôi cá	25.503,93
8	Cây xanh cảnh quan	15.376,14
9	Tổng	49.341,10

- **Khu nhà điều hành:** khu nhà diện tích 120m^2 kích thước D x R= 15x8m, số tầng 01, loại hình nhà cấp IV được xây bằng gạch, mái lợp tôn cũng là nơi sinh hoạt của cán bộ nhân viên làm việc tại cơ sở.

- **Trại nuôi gà:** Bao gồm 03 dãy trại nuôi, tổng diện tích 03 dãy trại nuôi là 6.292,00m^2 được xây dựng 03 dãy liên tục nằm song song nhau với loại hình nhà cấp IV.

Kết cấu thiết kế:

+ Nền tráng bê tông; tường dày 10cm; vách xây lên cao 2,5 m.

+ Mái trại được thiết kế 2 mái và lợp bằng tole.

+ Khung trại kết cấu cột bê tông và thép tiền chế.

+ Quy cách các trại: Trại 1, 2 có kích thước: DxR=143x17m = 2.431,0m^2.

Trại 3 có kích thước: DxR=143x10m = 11.430,0 m^2

- Nhà úm và nuôi gia cầm: Công trình nhà cấp IV, kích thước DxR=25x8m = 200,0m^2.

5.3. Thông tin của cơ sở

5.3.1. Pháp lý cơ sở

Trang trại chăn nuôi tổng hợp tại xã Phù Lưu, huyện Lộc Hà được phê duyệt pháp lý như sau:

- Quyết định số 6232/QĐ-UBND ngày 04/9/2018 của UBND huyện Lộc Hà Quyết định về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng trang trại chăn nuôi tổng hợp của nhà đầu tư Đặng Văn Ánh, tại vùng Sác Bàn – Hói Tùng, thôn Thái Hòa, xã Phù Lưu, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

- Cơ sở hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất năm 2020.

- Hợp đồng thuê đất số 1232/2020/HĐTĐ ngày 07/12/2020 giữa Phòng Tài nguyên môi trường và bà Nguyễn Thị Thanh Thủy.

- Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 57/XN-UBND ngày 22/12/2021 của UBND huyện Lộc Hà cấp.

5.3.2. Thông tin cơ sở

Cơ sở Trang trại chăn nuôi tổng hợp tại xã Phù Lưu, huyện Lộc Hà chính thức đi vào hoạt động từ năm 2022. Từ đó đến nay cơ sở hoạt động bình thường không xảy ra sự cố vận hành hay vấn đề về môi trường nào khác.

Tại cơ sở hoạt động với lượng công nhân viên lớn nhất là 5 người.

5.3.3. Tổ chức quản lý, vận hành

- Hình thức quản lý và vận hành: Cơ sở do bà Nguyễn Thị Thanh Thủy làm chủ đầu tư và vận hành.

- Tổng số cán bộ, công nhân viên làm việc tại Cơ sở là 5 người.

- Nguồn lao động: Việc tuyển chọn cán bộ quản lý theo hướng có trình độ đại học, chuyên môn. Đào tạo thêm tay nghề cho cán bộ kỹ thuật, công nhân.

CHƯƠNG II
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Căn cứ Điều 22, 23 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Điều 10 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 08/11/2022 của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Khu vực cơ sở có vị trí không thuộc vào vùng bảo vệ nghiêm ngặt cũng như vùng hạn chế phát thải bao gồm:

+ Khu vực cơ sở không nằm trong vùng bảo vệ nghiêm ngặt: không nằm trong vùng có nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước; Khu bảo tồn thiên nhiên theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, lâm nghiệp và thủy sản; Khu vực bảo vệ 1 của di tích lịch sử - văn hóa theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa; Vùng lõi của di sản thiên nhiên theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Vùng thuộc dãy Trường Sơn, đa dạng sinh học, tập trung nước của các sườn dốc, núi cao dọc biên giới Việt Lào.

+ Khu vực cơ sở không nằm trong vùng hạn chế phát thải như: Vùng đệm của các vùng bảo vệ nghiêm ngặt; Hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước; Khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường dễ bị tổn thương trước tác động của ô nhiễm môi trường khác cần được bảo vệ). Vùng cát ven biển và đới biển nông ven bờ; vùng đồng bằng ven biển và vùng gò đồi xen thung lũng trung tâm.

- Quy hoạch vùng huyện Lộc Hà: Vị trí cơ sở phù hợp với quy hoạch huyện Lộc Hà tại Quyết định số 1476/QĐ-UBND ngày 14/6/ 2024 của UBND huyện Lộc Hà về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Lộc Hà đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050: Xây dựng chiến lược phát triển bền vững, cân bằng giữa đô thị và nông thôn, lấy kinh tế du lịch, thương mại dịch vụ làm trọng tâm nhưng cần chú trọng đến kinh tế nông thôn, phát triển kinh tế nông thôn theo hướng hiện đại, đa dạng, hiệu quả, bền vững, phù hợp văn hóa, tập quán; phù hợp chiến lược phát triển toàn tỉnh, toàn quốc và xu hướng chung của thế giới; đảm bảo đời sống vật chất tinh thần cho người dân

ngày càng nâng cao.

- Quy hoạch sử dụng đất huyện Lộc Hà: Cơ sở phù hợp với Quyết định số 601/QĐ-UBND ngày 16/3/2022 của UBND tỉnh về phê duyệt quy hoạch sử dụng dất đến năm 2030 huyện Lộc Hà.

- Quy hoạch sử dụng đất xã Thạch Mỹ: Cơ sở phù hợp với Quyết định số 2396/QĐ-UBND ngày 23/6/2023 của UBND huyện Thạch Hà phê duyệt đồ án quy hoạch sử dụng đất xã Thạch Mỹ.

2. Sự phù hợp của cơ sở đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

Về môi trường nước: nước thải sinh hoạt của công nhân viên làm việc tại cơ sở với lưu lượng ước tính 0,5m^3/ngày đêm được xử lý qua bể tự hoại và hồ sinh học, lượng nước thải này tương đương với lượng nước thải của một hộ gia đình. Đối với khối lượng nước thải nhỏ áp dụng phương pháp xử lý tại chỗ gồm hệ thống bể tự hoại 03 ngăn phổ biến hiện nay. Ngoài ra do đặc thù hoạt động chăn nuôi gà không phát sinh nước thải.

Về môi trường không khí: Trong quá trình hoạt động, cơ sở có phát sinh lượng khí thải từ các phương tiện gồm các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu và sản phẩm hiện nay cơ sở không có công trình thu gom xử lý khí thải do hoạt động phân tán của khí thải từ các phương tiện này, tuy nhiên các phương tiện trên đã được kiểm định đảm bảo đạt tiêu chuẩn khí thải để vận hành nên không ảnh hưởng đến môi trường khu vực.

Đối với chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường được đơn vị thỏa thuận thu gom với đơn vị thu gom địa phương.

Đối với chất thải nguy hại, các cơ sở hoạt động trong cơ sở đều có hợp đồng với đơn vị đủ điều kiện thực hiện, định kỳ đến thu gom mang đi xử lý theo đúng quy định về bảo vệ môi trường.

Như vậy, nhìn chung cơ sở đặt tại vị trí này là phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường.

CHƯƠNG III
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Nước mưa khu vực nhà điều hành, sân đường nội bộ được dẫn tự chảy xuống hồ chứa nước trong cơ sở.

Nước mưa khu vực trại chăn nuôi gà được gom bằng mương hở B300 tổng chiều dài 160m dẫn về hồ nước trong cơ sở.

Nước mưa sau khi được lưu trong hồ dẫn thoát ra mương thoát nước khu vực tại 02 điểm thoát.

Hình 3. 1. Rãnh thoát nước mưa chảy tràn

1.2. Thu gom, thoát nước thải

- *Công trình thu gom nước thải:*

+ Nước thải khu nhà vệ sinh được dẫn bằng ống PVC D60 về bể tự hoại 03 ngăn chôn ngầm để xử lý. Nước thải sau bể tự hoại được dẫn bằng ống PVC D60 dài 10m về hố ga.

+ Nước thải khu vực sinh hoạt chung sau khi được tách rác được dẫn bằng ống PVC D90 dài 5m về hố ga.

+ Nước thải chung từ hố ga theo rãnh thoát vào hồ sinh học.

- *Công trình thoát nước thải:*

Nước thải chung của cơ sở được dẫn theo cống thoát nước BTCT D600 ra mương thoát nước khu vực.

- Điểm xả nước thải sau xử lý: Điểm xả nước thải sau xử lý gồm 01 điểm trên mương thoát nước khu vực tại thôn Thái Hòa, xã Phù Lưu, huyện Lộc Hà.

- Sơ đồ minh họa thu gom, thoát nước thải

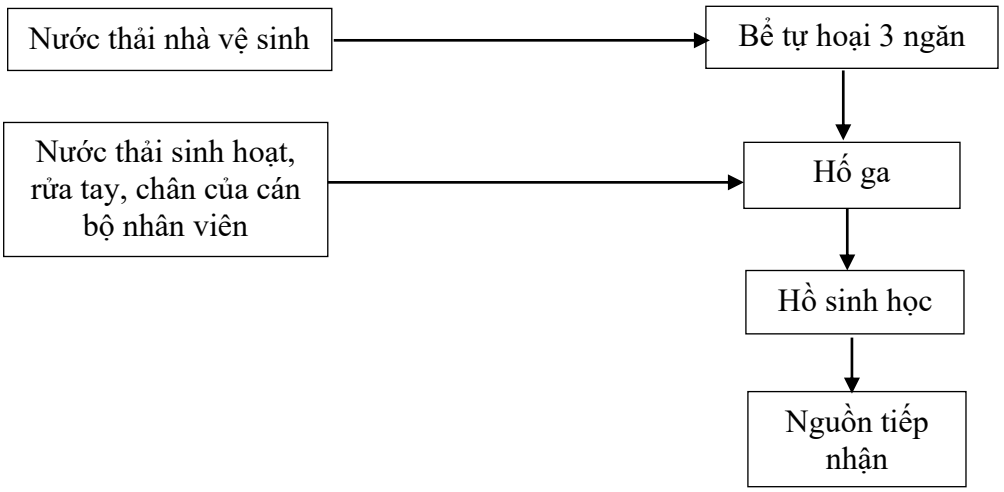

Hình 3. 2. Sơ đồ thu gom thoát nước thải

1.3. Xử lý nước thải

Nước thải sinh hoạt của cơ sở phát sinh với lưu lượng 0,5m^3/ngày đêm có thành phần ô nhiễm chủ yếu là các chất rắn lơ lửng, các chất hữu cơ được thu gom và xử lý như sau:

a. Nước thải sinh hoạt khu vực nhà vệ sinh

- Nước thải sinh hoạt từ khu nhà vệ sinh được sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn kết cấu bằng ống bê tông tròn, bố trí ngầm, ngăn 1 là cống bi D800 cao 2m, ngăn 2 là cống bi D800 cao 1m, ngăn 3 là cống bi D800 cao 1m. Tổng thể tích bể tự hoại là 02m^3.

Nguyên lý hoạt động của bể tự hoại 3 ngăn:

- Trước tiên, nước thải chảy vào bể chứa phân để lắng các chất cặn lơ lửng có kích thước lớn. Ngăn này có vai trò làm ngăn lắng - lên men kỵ khí, đồng thời điều hòa lưu lượng và nồng độ chất bẩn trong dòng nước thải. Các chất bẩn hữu cơ trong nước thải tiếp xúc với các vi sinh vật kỵ khí trong lớp bùn hình thành ở đáy bể và được các vi sinh vật hấp thụ và chuyển hoá thành các chất đơn giản, dễ phân hủy.

+ Lớp dưới cùng là lớp đá có kích thước 4x6, dày 150 mm;

+ Lớp giữa là lớp đá có kích thước 1x2, dày 150 mm;

+ Lớp trên cùng là lớp than dày 150 mm.

- Tại đây diễn ra quá trình phân hủy sinh học cuối cùng của các chất ô nhiễm có trong nước thải thành các chất đơn giản hơn, hiệu suất xử lý bể tự hoại 3 ngăn ước tính khoảng 70 - 80% đối với BOD và 80 - 90% đối với TSS.

- Sau khi được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn, nước thải tự chảy bằng ống thoát nước PVC D60 ra ra rãnh thoát nước của cơ sở.

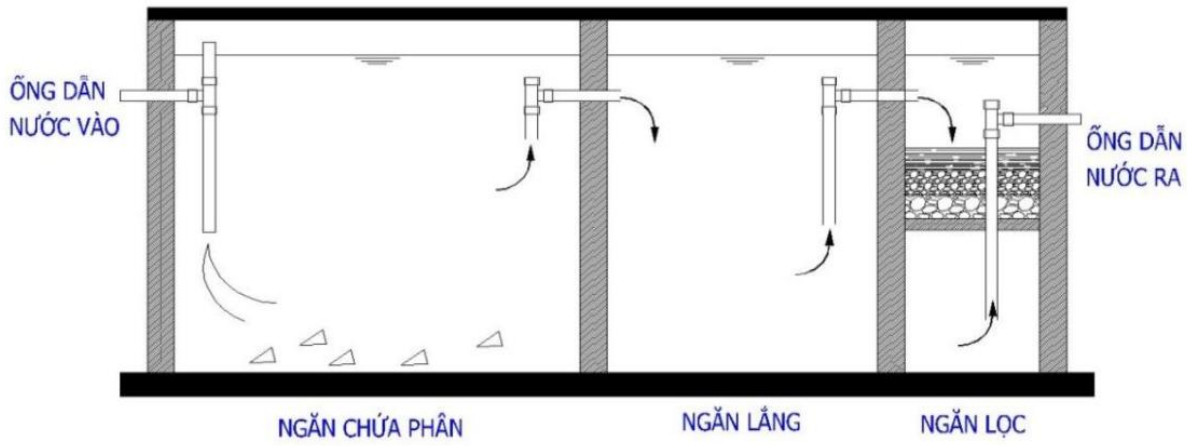

Hình 3. 3. Sơ đồ nguyên lý hoạt động của bể tự hoại 3 ngăn

b. Nước thải sinh hoạt khu sinh hoạt chung

- Công trình xử lý nước thải sinh hoạt:

Nước thải khu vực vệ sinh chung được gom về hồ sinh học để lắng và xử lý. Hồ sinh học có kích thước RxDxC=15x40x1,5m.

- Nguyên lý hoạt động hồ sinh học:

Trong hồ có nhiều vi sinh vật, phiêu sinh, nấm, tảo,… Các vi sinh vật trong hồ là các vi sinh vật kỵ khí, thiếu khí, hiếu khí chúng có vai trò rất quan trọng trong quá trình xử lý các chất hữu cơ, vô cơ trong nước thải.

Nguyên tắc hoạt động của hồ sinh học: Vi sinh sử dụng oxy sinh ra từ rêu tảo trong hóa trình quang hợp cũng như oxy hóa từ không khí để oxy hóa các chất hữu cơ, đồng thời rong tảo lại tiêu thụ CO_2, photphat và nitrat amoni sinh ra từ sự phân hủy, oxy hóa các chất hữu cơ của vi sinh vật. Để hồ hoạt động bình thường cần phải giữ pH và nhiệt độ tối ưu, nhiệt độ không được thấp hơn 6^0C.

Hình 3. 4. Hồ sinh học của cơ sở

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Thành phần của khí thải gây mùi hôi trong quá trình chăn nuôi chủ yếu là mùi của các hợp chất hữu cơ, bao gồm: H_2S, NH_3, CO_2...; Bụi và khí thải từ phương tiện vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm. Để giảm thiểu chất thải khí chủ cơ sở thực hiện các biện pháp sau:

- Thiết kế xây dựng các trại nuôi đảm bảo kín và bố trí quạt hút ở mỗi dãy chuồng để đảm bảo không gian trong chuồng luôn phải được thông thoáng.

- Dùng trấu làm chất độn nền (độ dày từ 5- 10cm) kết hợp với các chủng vi sinh trong chế phẩm sinh học EM Pro-1 để giúp phân hủy phân, nước tiểu của gà từ đó giảm thiểu mùi hôi.

- Sử dụng thức ăn có thành phần bổ sung men vi sinh đường ruột giúp gà tiêu hóa và hấp thụ dinh dưỡng tối đa làm phân gà thải ra có ít mùi hơn.

- Thực hiện tốt việc vệ sinh chuồng trại, thực hiện thu gom phân sau mỗi đợt nuôi không để phát tán ra môi trường bên ngoài.

- Sử dụng các loại thuốc diệt ruồi tần suất 01 lần/tuần kết hợp hợp chất dẫn dụ để diệt ruồi hữu hiệu và rất tiện sử dụng cho trang trại chăn nuôi gia cầm.

- Trồng cây xanh quanh khu vực cơ sở.

- Thường xuyên xịt chế phẩm sinh học EM Pro-1 khử mùi bên trong và bên ngoài các dãy chuồng nuôi, định kỳ 05 ngày/lần.

- Giải pháp xử lý mùi hôi khu vực xử lý nước thải: chủ cơ sở sử dụng chế phẩm vi sinh học EM Pro-1 để xử lý mùi hôi ở khu vực này nếu khu vực phát sinh mùi hôi.

Như vậy, lượng mùi hôi đã bị giảm thiểu đáng kể, không gây ảnh hưởng đến hộ dân cách xa trong khu vực cơ sở.

3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.1. Chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt tại cơ sở thành phần gồm túi nilon, cốc nhựa, chai nhựa, hộp đựng thức ăn, vỏ trái cây… phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân viên làm việc tại cơ sở. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt định mức 0,5kg/người/ngày, với lượng công nhân viên là 5 người thì khối lượng chất thải rắn sinh hoạt là 2,5kg/ngày.

Chất thải rắn sinh hoạt lâu ngày không thu gom sẽ bị phân hủy gây ra mùi hôi thối, khó chịu đồng thời xuất hiện ruồi muỗi, dán, kiến… làm ảnh hưởng đến hoạt động khác của cửa hàng đồng thời ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân viên nếu tiếp xúc trong thời gian dài do đó cần được thu gom, vận chuyển.

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại cơ sở được thu gom xử lý như sau:

- Chất thải phân thành hai loại là tái sử dụng và không tái sử dụng.

- Đối với chất thải sinh hoạt tái sử dụng được trữ trong 01 thùng chứa 200 lít có dán nhãn tái sử dụng, chất thải gom hàng ngày vào túi nilon, định kỳ bán cho người có nhu cầu thu mua 1 tháng/lần.

- Đối với chất thải sinh hoạt không tái sử dụng được trữ trong các loại giỏ nhựa chứa rác, sau đó cuối ngày gom vào 01 thùng chứa 60 lít đặt tại khu vực sinh hoạt của công nhân viên, chất thải được đơn vị thu gom trên địa bàn định kỳ hàng ngày thu gom vận chuyển.

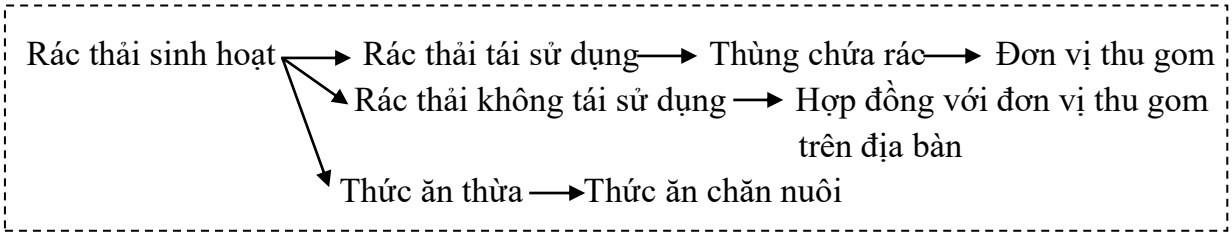

Hình 3. 5. Sơ đồ thu gom rác thải sinh hoạt

3.2. Chất thải rắn chăn nuôi

- Phân gà và trấu lót nền phát sinh từ các trại khoảng 53,28 tấn/đợt sẽ được thu gom định kỳ sau khi kết thúc đợt nuôi được hợp đồng với đơn vị thu mua thu gom trong trại và phân được chứa trong các bao (khoảng 15 - 20kg/bao). Sau khi hoàn thành đóng bao sẽ được đơn vị thu mua vận chuyển đi trong ngày, không để tồn đọng tại trại. Trường hợp đơn vị thu mua chưa kịp thu gom chủ cơ sở sẽ bố trí để trống một trại nuôi làm thành khu vực lưu chứa toàn bộ lượng phân trấu chưa vận chuyển kịp, để tránh ảnh hưởng đến hoạt động chăn nuôi của các trại khác; do lượng trấu và phân gà thịt có độ ẩm rất thấp nên không phát sinh mùi hôi, ruồi gây ảnh hưởng đến khu vực xung quanh. Tuy

nhiên, nhằm hạn chế phát sinh mùi hôi, chủ cơ sở thực hiện phun xịt chế phẩm như Permethrin 50 EC, Bendona 10 EC, E.M. Nitrogen, EM Pro-1.

- Bao bì đựng thức ăn: Toàn bộ bao bì đựng thức ăn phát sinh hằng ngày sẽ được thu gom và lưu chứa trong kho chứa thức ăn, các bao đựng thức ăn sẽ được tái sử dụng để chứa phân gà trong các đợt thu gom.

Tổng khối lượng bao bì phát sinh sau mỗi đợt nuôi được tính như sau:

Ta có lượng thức ăn sử dụng cho trong 01 đợt là: 13,6 tấn, mỗi bao thức ăn có trọng lượng 25 kg, như vậy 01 đợt nuôi cơ sở sử dụng 544 bao thức ăn. Mỗi vỏ bao bì bao thức ăn có trọng lượng 0,1kg. Vậy tổng khối lượng bao bì phát sinh mỗi đợt nuôi là 544 bao x 0,1kg = 54,4 kg = 0,05 tấn bao bì đựng thức ăn.

Toàn bộ bao bì đựng thức ăn phát sinh hằng ngày sẽ được thu gom toàn bộ và lưu chứa trong kho của trại nuôi và được tái sử dụng để chứa phân gà trong các đợt thu gom.

- Xác gà chết không do dịch bệnh: Được bố trí tại khu đất trống của cơ sở với diện tích khoảng 20m^2, xác gia cầm chết sẽ được xử lý tại đây bằng phương pháp chôn lấp. Lượng gà chết khoảng ước tính khoảng 1 -2 con/ngày, trọng lượng khoảng 2kg/con. Công nhân thu gom gà chết trong ngày, vào mỗi buổi chiều sẽ thực hiện chôn lấp ở phần đất được bố trí. Hố chôn lấp có kích thước tùy theo số lượng gà chết trong ngày (nhiều sẽ đào hố to, ít sẽ đào hố nhỏ). Sau khi đào hố, rải một lớp vôi bột xuống đáy hố theo tỷ lệ khoảng 01 kg vôi/m^2, cho bao chứa xuống hố, phun thuốc sát trùng hoặc rắc vôi bột lên trên bề mặt, lấp đất và nện chặt. Phun sát trùng khu vực chôn lấp để hoàn tất quá trình tiêu hủy.

Bảng 3. 1. Khối lượng chất thải rắn thông thường tại cơ sở

TT	Loại chất thải	Khối lượng (kg/ngày)	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	0,5	0,18
2	Bao bì thức ăn	0,6	0,108
3	Phân và trấu lót nền	592	106,56
4	Xác gia cầm chết không do dịch bệnh	4	0,72
	Tổng	597,1	107,57

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

- Chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở sẽ được thu gom và lưu trữ tại kho chứa chất thải nguy hại, diện tích 4m^2. Kho chất thải nguy hại được xây dựng kín tránh nước mưa chảy tràn vào, mái che kín, mặt sàn được bê tông hóa có ngạch chắn cao hơn sàn, không bị thẩm thấu, bên trong kho chất thải nguy hại bố trí 03 thùng chứa 50 lít có nắp đậy. Kho chất thải nguy hại, các loại chất thải nguy hại phát sinh được dán biển cảnh báo và dán nhãn đảm bảo yêu cầu kỹ

thuật đúng theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Các chai lọ đựng vắc - xin, thuốc thú y, kim tiêm sẽ được công ty cung cấp thuốc thu gom lại theo định kỳ để xử lý. Các chất thải nguy hại còn lại chủ cơ sở sẽ hợp đồng với các đơn vị có chức năng để tiến hành thu gom, xử lý khi đủ số lượng theo quy định.

- Xác và phân gà chết do dịch bệnh:

+ Đối với xác gà chết do dịch bệnh: Khi thấy gà bị chết hoặc có dấu hiệu mắc bệnh, chủ cơ sở thông báo cho cán bộ thú y xã hoặc thành viên trong Ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh động vật cấp xã để cán bộ thú y tới lấy mẫu xét nghiệm xem có dương tính với các loại dịch bệnh hay không. Trường hợp xác định dương tính với bệnh dịch, chủ cơ sở sẽ phối hợp với địa phương chọn địa điểm tiêu hủy theo quy định.

+ Số lượng tối đa gà, vịt có trong trại 1500 con.

+ Trọng lượng tối đa 01 con gia cầm: 3 kg. Vậy tổng trọng lượng gà cần chôn là: 1500 x 3 = 4500 kg = 4,5 tấn.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Để giảm thiểu các tác động của tiếng ồn và độ rung, này chủ cơ sở thực hiện một số biện pháp giảm thiểu sau:

- Đối với phương tiện vận chuyển:

+ Ưu tiên sử dụng các phương tiện vận chuyển có động cơ đảm bảo chất lượng, thường xuyên bảo dưỡng máy móc.

+ Khi thực hiện các hoạt động nhiều tiếng ồn, yêu cầu công nhân thực hiện thao tác phải sử dụng dụng cụ bảo hộ lao động cá nhân nhằm hạn chế tác động của tiếng ồn.

+ Bố trí thời gian vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm vào thời điểm thích hợp sao cho giảm thiểu tác động của tiếng ồn đến sức khỏe của người dân xung quanh.

- Đối với hệ thống quạt hút thông gió

+ Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ hệ thống quạt hút, thường xuyên tra dầu mỡ trục để bôi trơn.

+ Định kỳ thay thế các loại đã sử dụng trong thời gian dài và phát ra các tiếng ồn lớn.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải

Chủ cơ sở sẽ bố trí nhân viên thường xuyên theo dõi, kiểm tra ao sinh học: Công nhân phụ trách môi trường của cơ sở thường xuyên kiểm tra ao sinh học, nếu nước trong các ao này có màu nâu đỏ, nhiều chất rắn lơ lửng thì sẽ thực hiện các biện pháp sau:

+ Bón vôi vào Ao sinh học để hỗ trợ quá trình xử lý nước thải.

+ Ao sinh học tại Cơ sở được xây dựng với bờ bao có cao độ 1,5m so với mặt bằng chung của khu vực nên có khả năng chống ngập lụt khá tốt. Đối với trường hợp vào những ngày mưa lớn sẽ dẫn đến nguy cơ các ao sinh học bị tràn nước: Công nhân làm việc tại cơ phải thường xuyên kiểm tra ao sinh học tại cơ sở khi trời mưa lớn, nếu thấy ao có nguy cơ bị tràn sẽ tiến hành đắp bờ ao cao hơn để tránh tình trạng nước từ các ao sinh học chảy tràn vào nguồn tiếp nhận gây ô nhiễm môi trường.

6.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

a. Chất thải rắn chăn nuôi (chất thải rắn công nghiệp thông thường)

Trong quá trình hoạt động, chất thải rắn chăn nuôi phát sinh chủ yếu là phân gà và trấu với khối lượng khoảng 53 tấn/đợt nuôi, lượng chất thải rắn chăn nuôi này được chủ cơ sở thu gom đóng bao và bán toàn bộ cho các đơn vị thu mua. Trường hợp đơn vị thu mua chưa kịp thu gom chủ cơ sở sẽ bố trí để trống một trại nuôi làm thành khu vực lưu chứa toàn bộ lượng phân trấu chưa vận chuyển kịp, để tránh ảnh hưởng đến hoạt động chăn nuôi của các trại khác; do lượng trấu và phân gà thịt có độ ẩm rất thấp nên không phát sinh mùi hôi, ruồi gây ảnh hưởng đến khu vực xung quanh. Tuy nhiên, nhằm hạn chế phát sinh mùi hôi, chủ cơ sở thực hiện phun xịt chế phẩm như Permethrin 50 EC, Bendona 10 EC, E.M. Nitrogen, EM Pro-1.

b. Chất thải nguy hại

Kho chất thải nguy hại của trang trại có diện tích 4m^2, được xây dựng đảm bảo đáp ứng các quy định theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

6.3. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố khi xảy ra dịch bệnh

a. Phòng ngừa dịch bệnh

Tiêm phòng đầy đủ, đúng lịch các loại vắc xin phòng bệnh nhằm ngăn ngừa dịch bệnh xảy ra theo quy định tại Phụ lục 07 – Thông tư số 07/2016/TTBNNPTNT ngày 31/5/2016.

Công nhân ra vào trại phải được vệ sinh sạch sẽ, trang bị bảo hộ lao động khi làm việc và phải xịt khử khuẩn trước, sau khi ra vào các dãy chuồng.

Chất sát trùng tại các hố sát trùng ở cổng ra vào trại chăn nuôi, khu chăn nuôi và chuồng nuôi phải bổ sung hoặc thay hàng ngày.

Tất cả các phương tiện vận chuyển khi vào trại chăn nuôi, khu chăn nuôi phải đi qua hố khử trùng và phải được phun thuốc sát trùng. Mọi người trước khi vào khu chăn nuôi phải thay quần áo, giầy dép và mặc quần áo bảo hộ của trại; trước khi vào các chuồng nuôi phải nhúng ủng hoặc giầy dép vào hố khử trùng. Định kỳ phun thuốc sát trùng xung quanh khu chăn nuôi, các chuồng nuôi ít nhất

01 lần/2 tuần; phun thuốc sát trùng lối đi trong khu chăn nuôi và các dãy chuồng nuôi ít nhất 01 lần/02tuần khi không có dịch bệnh, và ít nhất 1 lần/ngày khi có dịch bệnh; phun thuốc sát trùng trên gà 1 lần/tuần khi có dịch bệnh bằng các dung dịch sát trùng thích hợp theo hướng dẫn của nhà sản xuất. Định kỳ phát quang bụi rậm, khơi thông và vệ sinh cống rãnh trong khu chăn nuôi ít nhất 2 tuần/lần.

Thường xuyên vệ sinh khu vực nuôi, phun các chế phẩm để xử lý ruồi như Permethrin 50 EC, Bendona 10 EC,... tần suất 02 lần/tuần trong suốt thời gian đợt nuôi (12 tháng); bố trí hệ thống sát trùng khu vực ra vào trại.

Định kỳ thực hiện tổng vệ sinh, tiêu độc khử trùng toàn bộ chuồng trại, khu vực chăn nuôi, định kỳ 02 tuần/lần. Phương tiện vận chuyển ra vào trại phải được phải được khử trùng.

b. Phương án ứng phó khi có dịch bệnh

Khi thấy gà, vịt bị chết hoặc có dấu hiệu mắc bệnh chủ cơ sở sẽ thông báo cho ngành thú ý ở địa phương. Trường hợp xác định dương tính với bệnh dịch chủ cơ sở sẽ phối hợp với các đơn vị trên tiến hành tiêu hủy toàn bộ số gà bị mắc bệnh. Quá trình tiêu hủy toàn bộ gà chết do dịch bệnh được thực hiện theo hướng dẫn kỹ thuật tiêu hủy bắt buộc động vật mắc bệnh quy định tại Phụ lục 06 – Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016.

Ngoài ra cần phải rửa sạch chuồng trại và các dụng cụ chăn nuôi, để khô, sau đó phun sát trùng 02 lần, cách nhau 10-15 ngày bằng một trong các dung dịch: nước vôi tôi 10%, xút 2-3%, formol 2-3%, crezin 5%.

6.4. Phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

Chủ cơ sở sẽ thực hiện các biện pháp thích hợp để đảm phòng chống cháy nổ. Cụ thể như sau:

- Các nguồn nguyên liệu dễ cháy nổ phải được quản lý đúng quy định, tránh nơi nhiệt độ cao, xa nguồn lửa. Nghiêm cấm mọi người hút thuốc trong các kho thức ăn, phế liệu bao bì,… các nơi dễ sinh cháy nổ.

- Thường xuyên kiểm tra an toàn điện năng đối với các thiết bị sử dụng điện.

- Trang bị các thiết bị phòng cháy chữa cháy cho cơ sở.

- Thực hiện các biện pháp an toàn về điện gồm:

+ Các thiết bị điện được tính toán dây dẫn có tiết diện hợp lý với cường độ, có thiết bị bảo vệ quá tải.

+ Hệ thống đường điện đảm bảo có hành lang an toàn, hệ thống bảo vệ pha rơle cho các thiết bị sử dụng điện và được thường xuyên kiểm tra mức độ an toàn điện.

+ Chương trình phổ biến hướng dẫn cho cán bộ công nhân viên về nội quy an toàn điện. Trang bị bảo hộ an toàn điện cho công nhân vận hành, sửa

chữa điện.

CHƯƠNG IV
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

1.1. Nguồn thải phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên làm việc tại cơ sở.

1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa

- Nguồn số 01: 0,5 m^3/ngày đêm.

1.3. Dòng nước thải

Số lượng dòng nước thải sau khi xử lý được xả ra môi trường tiếp nhận là 01 dòng.

Nước thải khu vực nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn dẫn cùng nước thải sinh hoạt khu vệ sinh chung được xử lý trong hồ sinh học, nước thải sau hồ sinh học tự chảy ra nguồn tiếp nhận bằng ống thoát BTCT D600.

1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

Thông số và giá trị của các thông số trong nước thải không vượt quá giá trị tối đa cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B, hệ số K=1,2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép như sau:

Bảng 4.1. Khối lượng các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt

TT	Thông số	Đơn vị	Giới hạn cho phép
1.	pH	-	5,5 - 9
2.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120
3.	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200
4.	BOD_5 (20^0C)	mg/l	60
5.	Sunfua (tính theo H_2S)	mg/l	4,8
6.	Amoni (tính theo N)	mg/l	12
7.	Nitrat (NO^3-) (tính theo N)	mg/l	60
8.	Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/l	12
9.	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24
10.	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12
11.	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000

1.5. Vị trí phương thức xả thải

+ Vị trí xả nước thải: Tọa độ vị trí xả nước thải tại 01 vị trí (hệ toạ độ VN

2000, kinh tuyến trục $105^0$30’, múi chiếu 3^0):

STT	Vị trí	Tọa độ VN2000	
		X (m)	Y (m)
1	Tọa độ điểm xả nước thải	2039593	536866

+ Phương thức xả nước thải: tự chảy

Nước thải sau xử lý được chảy ra nguồn tiếp nhận là mương thoát nước khu vực đoạn qua xã Phù Lưu, xã Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

+ Chu kỳ xả thải: liên tục.

+ Thời gian xả thải: 24/24 giờ.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Cơ sở không thu gom và xử lý khí thải.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn

3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn

Tiếng ồn từ khu vực chuồng trại chăn nuôi.

3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn

- Vị trí phát sinh (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $105^0$30’ múi chiếu 3^0): X= 2039580; Y= 536919.

3.3. Tiêu chuẩn tiếng ồn

Tiếng ồn phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - QCVN 26:2010/BTNMT, cụ thể như sau:

TT	Từ 6 - 21 giờ (dBA)	Từ 21 - 6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

CHƯƠNG V
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Kết quả quan trắc nước thải năm 2024 của cơ sở:

- Ngày lấy mẫu: 31/10/2024.
- Đơn vị lấy mẫu: Công ty CP Công nghệ và Kỹ thuật Hatico Việt Nam.
- Vị trí lấy mẫu: Tại điểm xả thải.

Bảng 5. 1. Kết quả quan trắc nước thải

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 14:2008/ BTNMT
			NT	Cột B
1	pH[(b)]	-	6,84	***5-9***
2	Dầu mỡ động, thực vật[(b)]	mg/L	2,4	***24***
3	TSS[(b)]	mg/L	4,3	***120***
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)[(b)]	mg/L	234	***1200***
5	BOD_5 (20^oC)[(b)]	mg/L	15,4	***60***
6	Sunfua (H_2S)[(b)]	mg/L	0,05	***4,8***
7	Amoni (tính theo N)[(b)]	mg/L	1,4	***12***
8	Nitrat (NO_3^- tính theo N)[(b)]	mg/L	3,39	***62***
9	Phosphat (PO_4^{3-} tính theo P)[(b)]	mg/L	0,12	***12***
10	Chất hoạt động bề mặt[(b)]	mg/L	0,99	***12***
11	Tổng Coliforms[(b)]	MPN/ 100ml	1.200	***5.000***

Nhận xét: Nước thải của cơ sở có các thông số đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sản xuất, cột B, hệ số K=1,2.

CHƯƠNG VI
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trên cơ sở các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở, chủ cơ sở tự rà soát và đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn hoạt động, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Căn cứ Điểm g, Khoản 1, Điều 31 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường trong đó quy định công trình xử lý chất thải không phải thực hiện vận hành thử nghiệm bao gồm "Công trình xử lý chất thải của các đối tượng quy định tại Khoản 2, Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường khi đề nghị cấp, điều chỉnh giấy phép môi trường".

Tại khu vực cơ sở nước thải sinh hoạt được xử lý qua hệ thống bể tự hoại và xử lý qua hố lắng ngoài ra không phát sinh nguồn nước thải nào khác, do vậy cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

2. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

a. Quan trắc nước thải

Công trình không có quy mô thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ.

Căn cứ khoản 1, điều 97 và Phụ lục số XXVIII, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, quy định về hoạt động quan trắc nước thải, dự án không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, phát sinh nước thải dưới 500 m^3/ngày (24 giờ) thì không phải thực hiện quan trắc định kỳ nước thải. Như vậy, dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ nước thải.

b. Quan trắc khí thải

Công trình không có quy mô thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ.

Căn cứ khoản 1, điều 97 và Phụ lục số XXIX, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, quy định về hoạt động quan trắc khí thải, dự án không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, phát sinh khí thải dưới 50.000 m^3/giờ thì không phải thực hiện quan trắc định kỳ khí thải. Như vậy, dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ khí thải.

c. Quan trắc chất thải rắn thông thường

- Vị trí quan trắc: Tại khu vực tập kết lưu giữ chất thải rắn thông thường.
- Thông số quan trắc: khối lượng, công tác quản lý và kiểm soát việc lưu

giữ, giao xử lý chất thải rắn.

- Căn cứ pháp luật: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

d. Quan trắc chất thải nguy hại

- Vị trí quan trắc: Tại khu vực lưu giữ chất thải nguy hại.

- Thông số quan trắc: khối lượng, chủng loại, công tác quản lý và kiểm soát việc lưu giữ, giao xử lý chất thải rắn nguy hại.

- Căn cứ pháp luật: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Theo Quy định tại Điều 97 và Phụ lục số XXVIII, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ thì dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục nước thải.

Theo quy định tại Điều 98 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Điểm 9 Mục II của Phụ lục số XXIX Nghị định số 08/2022/NĐ-CP thì dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục khí thải công nghiệp.

CHƯƠNG VII
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong 2 năm gần nhất, cơ sở không có các đoàn thanh tra kiểm tra tuy nhiên cơ sở vẫn chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, sẵn sàng phối hợp xử lý các tác động môi trường gây ra trong giai đoạn vận hành của cơ sở.

CHƯƠNG VIII
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Chủ cơ sở Nguyễn Thị Thanh Thủy cam kết:

- Các thông tin, số liệu được nêu trong trong hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường là chính xác, trung thực. Nếu có gì sai trái chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

- Thực hiện nghiêm túc các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường nhằm bảo đảm đạt các quy định, Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam, bao gồm:

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

2. Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường như đã nêu ra trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường này sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

3. Phòng ngừa, hạn chế các tác động xấu đối với môi trường từ các hoạt động liên quan đến Cơ sở;

4. Khắc phục ô nhiễm môi trường do các hoạt động của Cơ sở gây nên;

5. Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho cán bộ, công nhân trong quá trình làm việc;

6. Nếu để xảy ra sự cố môi trường sẽ thực hiện các biện pháp sau để xử lý:

- Điều tra, xác định phạm vi, giới hạn, mức độ, nguyên nhân, biện pháp khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường;

- Tiến hành ngay các biện pháp để ngăn chặn, hạn chế nguồn gây ô nhiễm môi trường và hạn chế sự lan rộng, ảnh hưởng đến sức khoẻ và đời sống của nhân dân trong vùng;

- Thực hiện các biện pháp khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường và các quy định pháp luật liên quan khác;

- Chịu mọi trách nhiệm về hậu quả đối với cộng đồng khu vực xung quanh nếu để xảy ra sự cố môi trường.

7. Tuân thủ các quy chuẩn thải theo quy định và thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường

8. Cam kết thực hiện các nghĩa vụ công khai giấy phép môi trường và cung cấp thông tin liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

9. Chấp hành nghiêm các quy định của nhà nước, địa phương về công tác PCCC và CNCH.

10. Thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 46 Luật bảo vệ môi trường 2020 và quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC HÀ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 6332/QĐ-UBND	*Lộc Hà, ngày 4 tháng 9 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH

V/v chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng trang trại chăn nuôi tổng hợp của nhà đầu tư Đặng Văn Ánh, tại vùng Sác Bàn - Hói Tùng, thôn Thái Hòa, xã Phù Lưu, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dân thi hành một số điều của Luật đầu tư;

Căn cứ Thông tư 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2016 của Bộ Kế hoạch và đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 17/2015/QĐ-UBND ngày 27/4/2015 của UBND tỉnh Hà Tĩnh ban hành Quy định tạm thời trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

Xét đề nghị của Nhà đầu tư tại Văn bản ngày 03/8/2018, của phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 223/TTr-TCKH ngày 31/8/2018; (kèm theo ý kiến thẩm định (UBND xã Phù Lưu tại Văn bản số ngày 10/8/2018, Phòng Kinh tế - Hạ tầng tại Văn bản số 71/KT&HT ngày 22/8/2018, Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 46/TNMT ngày 8/8/2018, Phòng Nông nghiệp và PTNT tại Văn bản số 69/NN ngày 7/8/2018),

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp thuận Nhà đầu tư:

Ông Đặng Văn Ánh, sinh ngày 5/4/1971, Quốc tịch Việt Nam, số CMND: 183640252, cấp ngày 12/5/2014, tại Công an tỉnh Hà Tĩnh, địa chỉ thường trú xã Phù Lưu, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

Thực hiện dự án đầu tư với các nội dung sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư:

1. Tên dự án: Xây dựng trang trại chăn nuôi tổng hợp

2. Tên nhà đầu tư: Đặng Văn Ánh;

3. Mục tiêu đầu tư: Chuyển đổi phương thức chăn nuôi tư chăn nuôi truyền thống nhỏ lẻ sang chăn nuôi hướng công nghiệp, tập quán của người dân từ sản xuất tự cung tự cấp sang tư duy sản xuất hàng hóa, có kết nối với thị trường nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, vệ sinh an toàn thực

phẩm và vệ sinh môi trường. Kết hợp với nuôi cá, trồng cỏ và rau màu ngắn ngày nhằm sử dụng có hiệu quả quỹ đất để tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương, tạo nguồn thu ngân sách cho nhà nước, góp phần xây dựng phát triển sản xuất trong tiến trình xây dựng nông thôn mới.

4. Quy mô đầu tư: Đầu tư dự án trang trại chăn nuôi tổng hợp gồm các hạng mục sau: Nhà điều hành, khu vực nhà kho, khu vực chuồng nuôi gà, vịt, lợn, khu vực hầm Biogas, khu vực ao nuôi cá và hệ thống điện, nước, đường giao thông và cây xanh.

Quy mô chăn nuôi: Nuôi lợn số lượng 50 con lợn thịt/lứa, 2 lứa/năm; nuôi gà số lượng 500 con/lứa, 2 lứa/năm; nuôi vịt số lượng 1000 con/lứa, 2 lứa/năm; Nuôi cá: cá rô phi, chép, trăm mè, diêu hồng, cá lăng, cá leo…

5. Địa điểm thực hiện dự án: Vùng Sác Bàn - Hói Tùng thôn Thái Hòa, xã Phù Lưu, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

6. Diện tích, ranh giới khu đất:

- Diện tích khu đất khoảng: 4,93 ha

- Ranh giới khu đất đề xuất:

+ Phía Đông giáp: giáp trại anh Tuấn dài 309,8m;

+ Phía Tây giáp: giáp đất nuôi trồng thủy sản dài 302,2m;

+ Phía Nam: giáp hồ nuôi trồng thủy sản anh Long dài 159,8m;

+ Phía Bắc: giáp đất trồng lúa dài 162;8m.

(Phạm vi ranh giới, diện tích chính xác sẽ được xác định trong quá trình quy hoạch chi tiết tổng mặt bằng khu đất và làm thủ tục thuê đất).

7. Tổng mức đầu tư dự kiến: 2.300 triệu đồng (Hai tỷ ba trăm triệu đồng).

8. Nguồn vốn: Vốn tự có của Nhà đầu tư 550 triệu đồng (chiếm 23,91%); Vốn vay hợp pháp khác 1.750 triệu đồng (chiếm 76,09%).

9. Thời hạn hoạt động dự án: 50 năm.

10. Tiến độ thực hiện dự án: Hoàn thành đưa dự án vào hoạt động trong tháng 1/2019, cụ thể:

- Từ tháng 8/2018 đến tháng 12/2018: Thực hiện hồ sơ, thủ tục pháp lý liên quan theo quy định;

- Từ tháng 01/2019 đến tháng 04/2019: Xây dựng các hạng mục; hoàn thành và đưa dự án vào hoạt động.

11. Hình thức đầu tư: Nhà đầu tư trực tiếp đầu tư xây dựng và quản lý vận hành dự án.

Điều 2: Ưu đãi đầu tư đối với dự án: Thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 3. Trách nhiệm của Nhà đầu tư.

1. Khẩn trương hoàn thiện các hồ sơ thủ tục theo quy định và thực hiện dự án theo đúng cam kết, đúng quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư; chủ động cân đối, huy động nguồn vốn để thực hiện dự án đúng tiến độ; xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh cụ thể đảm bảo thực hiện dự án hiệu quả, bền vững, trình thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật.

2. Chủ động, phối hợp chặt chẽ với Phòng Kinh tế - Hạ tầng, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và PTNT, UBND xã Phù Lưu để hoàn thành quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất, thiết kế, cấp phép xây dựng và các thủ tục khác có liên quan của dự án, trình thẩm định, phê duyệt theo quy định.

3. Chủ động, phối hợp với các phòng, ngành, địa phương liên quan: Khảo sát, xác định rõ hiện trạng khu đất dự kiến thực hiện dự án (bao gồm các nội dung: Loại đất, diện tích, tài sản trên đất; chủ quản lý sử dụng đất; lập trích lục bản đồ và xác định tọa độ cụ thể vị trí khu đất đầu tư xây dựng dự án); tham mưu phương án xử lý phù hợp với quy định trước khi lập quy hoạch tổng thể mặt bằng sử dụng đất và thực hiện các thủ tục cho thuê đất; thực hiện các quy định của Luật Tài nguyên, Môi trường biển và Hải đảo và các vấn đề khác có liên quan đến dự án.

4. Thực hiện ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án theo đúng quy định tại Quyết định số 35/2017/QĐ-UBND ngày 03/7/2017 của UBND tỉnh.

5. Định kỳ hàng tháng, hằng quý, hằng năm có báo cáo bằng văn bản gửi các Phòng: Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường, Kinh tế - Hạ tầng và UBND xã Phù Lưu về tình hình thực hiện dự án đầu tư, gồm các nội dung: Tiến độ xây dựng dự án, vốn đầu tư thực hiện, kết quả hoạt động đầu tư kinh doanh, thông tin về lao động, nộp ngân sách nhà nước, xử lý và bảo vệ môi trường, các chỉ tiêu chuyên ngành theo lĩnh vực hoạt động và các nội dung liên quan của dự án.

6. Ủy ban nhân dân huyện sẽ xem xét chấm dứt hiệu lực Quyết định chủ trương đầu tư mà không bồi thường, hoàn trả các chi phí liên quan đến các công việc đã thực hiện đối với dự án trong trường hợp Nhà đầu tư vi phạm một trong các nội dung sau:

- Thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ các nội dung cam kết trong Hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư dự án được chấp thuận;

- Thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ các nội dung quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư và các vi phạm khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giao cho các phòng, ban, địa phương:

1. Phòng Tài chính - Kế hoạch:

- Hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện đầy đủ các hồ sơ, thủ tục đầu tư để triển khai dự án theo đúng quy định; chủ trì, phối hợp với các phòng, ngành, địa phương liên quan thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện dự án của nhà đầu tư;

- Kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân huyện thu hồi chủ trương đầu tư, chấm dứt hoạt động dự án nếu nhà đầu tư vi phạm các quy định trong quá trình thực hiện dự án theo quy định hiện hành.

2. Phòng Kinh tế - Hạ tầng hướng dẫn Nhà đầu tư triển khai lập quy hoạch các hạng mục của Dự án theo đúng quy định, phù hợp các yêu cầu về quy hoạch, đảm bảo chất lượng, hiệu quả, phát triển bền vững; trình cơ quan có thẩm

quyền thẩm định, phê duyệt; đồng thời kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện dự án theo đúng quy định;

3. Phòng Tài nguyên và Môi trường kiểm tra tình trạng ký quỹ đầu tư trước khi thực hiện thủ tục giao đất, thuê đất; hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện các hồ sơ, thủ tục về đất đai, môi trường theo đúng quy định; theo dõi, giám sát việc sử dụng đất và thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường của dự án.

4. Phòng Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn nhà đầu tư các quy trình, đảm bảo đúng kỹ thuật để phát huy hiệu quả của dự án.

5. UBND xã Phù Lưu trình cập nhật quy hoạch xây dựng nông thôn mới vị trí thực hiện dự án trong các lần điều chỉnh tiếp theo; phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện thủ tục cho thuê, bàn giao đất để Nhà đầu tư thực hiện dự án theo đúng quy định.

6. Các Phòng, ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao hướng dẫn, giúp đỡ nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án kịp thời, có hiệu quả, đồng thời thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với dự án theo quy định.

Điều 5. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện; Trưởng các phòng: Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường, Kinh tế - Hạ tầng, Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND xã Phù Lưu; Nhà đầu tư Đặng Văn Ánh và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 5;
- Thường trực HU, HĐND huyện (Báo cáo);
- Chủ tịch, các Phó CT. UBND huyện;
- VP ĐKQSD đất;
- UBND xã Phù Lưu;
- Lưu: VT, TC-KH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Trung Phước

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC HÀ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 57 /XN-UBND	*Lộc Hà, ngày 22 tháng 12 năm 2021*

GIẤY XÁC NHẬN
ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Ủy ban nhân dân huyện Lộc Hà xác nhận nhà đầu tư Nguyễn Thị Thanh Thủy đã đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường Dự án trang trại chăn nuôi tổng hợp tại xã Phù Lưu, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 22 tháng 12 năm 2021. Nhà đầu tư Nguyễn Thị Thanh Thủy có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

1. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, các biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất trong bản kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký.

2. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký và thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 33 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Tổ chức thực hiện các công trình quản lý, xử lý chất thải theo nội dung kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký như sau:

- Xử lý nước thải đảm bảo quy chuẩn cột B QCVN62-MT: 2016/BTNMT đối với nước thải chăn nuôi trước khi thải ra môi trường.

- Thu dọn, vận chuyển và lưu giữ xử lý toàn bộ chất thải rắn, chất thải nguy hại theo phương án đã lập trong Kế hoạch bảo vệ môi trường và đảm bảo tuân thủ các quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ quy định về quản lý chất thải và phế liệu; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

4. Trong quá trình thực hiện dự án nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của Dự án gây ra sự cố, tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố, bồi thường thiệt hại do sự cố xảy ra, thông báo khẩn cấp cho cơ quan quản lý về môi trường và các cơ quan có liên quan thực hiện Dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý.

Giấy xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ Môi trường Dự án trang trại chăn nuôi tổng hợp tại xã Phù Lưu, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của dự án./.

Nơi nhận:
- Chủ tịch; PCT UBND huyện;
- UBND xã Phù Lưu;
- Nhà đầu tư Nguyễn Thị Thanh Thủy;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn An

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC HÀ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 42/UBND-GPXD	*Lộc Hà, ngày 17 tháng 8 năm 2020*

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
(Sử dụng cho dự án)

1. Cấp cho: Ông Đặng Văn Ánh.

- Địa chỉ: Xã Phù Lưu, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh

2. Được phép xây dựng các công trình thuộc dự án: Trại trại chăn nuôi tổng hợp tại xã Phù Lưu, huyện Lộc Hà

- Tổng số công trình: 06 công trình.
- Vị trí xây dựng: Thửa đất số 56 tờ bản đồ số 42 hồ sơ địa chính xã Phù Lưu.
- Mật độ xây dựng chung dự án: 14,13%, hệ số sử dụng đất: 0,1413 lần.
- Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng: Theo quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất của dự án được phê duyệt ngày 04/9/2020.

* Công trình số 1: Nhà điều hành (ký hiệu quy hoạch số 3).

+ Cốt nền xây dựng công trình: Cốt 0.0 theo hồ sơ thiết kế.

+ Màu sắc công trình (nếu có): Theo hồ sơ thiết kế

+ Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): 120 m^2.

+ Tổng diện tích sàn: 120 m^2.

+ Chiều cao công trình: 5,7 m; số tầng 01 tầng.

* Công trình số 2: Nhà chăn nuôi gia cầm số 1 (ký hiệu quy hoạch số 04).

+ Cốt nền xây dựng công trình: Cốt 0.0 theo hồ sơ thiết kế.

+ Màu sắc công trình (nếu có): Theo hồ sơ thiết kế

+ Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): 2.431,0 m^2.

+ Tổng diện tích sàn: 2.431,0 m^2.

+ Chiều cao công trình: 4,95 m; số tầng 01 tầng.

* Công trình số 3: Nhà chăn nuôi gia cầm số 2 (ký hiệu quy hoạch số 04).

+ Cốt nền xây dựng công trình: Cốt 0.0 theo hồ sơ thiết kế.

+ Màu sắc công trình (nếu có): Theo hồ sơ thiết kế

+ Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): 2.431,0 m^2.

+ Tổng diện tích sàn: 2.431,0 m^2.

+ Chiều cao công trình: 4,95 m; số tầng 01 tầng.

* Công trình số 4: Nhà chăn nuôi gia cầm số 3 (ký hiệu quy hoạch số 04).

+ Cốt nền xây dựng công trình: Cốt 0.0 theo hồ sơ thiết kế.

+ Màu sắc công trình (nếu có): Theo hồ sơ thiết kế

+ Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): 1.430,0 m^2.

+ Tổng diện tích sàn: 1.430,0 m^2.

+ Chiều cao công trình: 4,95 m; số tầng 01 tầng.

* Công trình số 5: Nhà úm và nuôi gia cầm (ký hiệu quy hoạch số 5).

+ Cốt nền xây dựng công trình: Cốt 0.0 theo hồ sơ thiết kế.

+ Màu sắc công trình (nếu có): Theo hồ sơ thiết kế

+ Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): 200 m^2.

+ Tổng diện tích sàn: 200 m^2.

+ Chiều cao công trình: 4,45 m; số tầng 01 tầng.

* Công trình số 6: Chuồng nuôi lợn siêu nạc (ký hiệu quy hoạch số 6).

+ Cốt nền xây dựng công trình: Cốt 0.0 theo hồ sơ thiết kế.

+ Màu sắc công trình (nếu có): Theo hồ sơ thiết kế

+ Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): 360 m^2.

+ Tổng diện tích sàn: 360 m^2.

+ Chiều cao công trình: 4,45 m; số tầng 01 tầng.

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Lộc Hà cấp ngày 07/11/2018.

4. Ghi nhận các công trình đã khởi công: Không.

5. Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

Nơi nhận:
- UBND xã Phù Lưu;
- Ông Đặng Văn Ánh;
- Lưu KT&HT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn An

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực.....908.....Quyển số..01.
06 -10- 2020
UBND XÃ THẠCH CHÂU-LỘC HÀ-HÀ TĨNH
KT. CHỦ TỊCH

Lê Quang Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349
Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội .
Đ/c PTN : Liền kề 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội
Tel: 0936.175.507 Email: haticovietnam2016@gmail.com

HATICO VIỆT NAM

Số: 08616/2024/PKQ/24.4139

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG HÀ TĨNH
Địa chỉ : Thôn Bắc Bình, xã Tượng Sơn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh
Địa điểm quan trắc : Trang trại Nguyễn Thị Thanh Thủy, xã Phù Lưu, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh
Tên mẫu : - NT.311024-013- Nước thải sinh hoạt sau xử lý của Trang trại chăn nuôi tổng hợp tại xã Phù Lưu, huyện Lộc Hà, (NT)
Tên mẫu/ Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
Ngày nhận mẫu : 31/10/2024 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 09/11/2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 14:2008/ BTNMT
				NT	Cột B
1	pH(b)	-	TCVN 6492:2011	6,84	*5-9*
2	Dầu mỡ động, thực vật(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	2,4	*20*
3	TSS(b)	mg/L	TCVN 6625:2000	4,3	*100*
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(b)	mg/L	SOP.QT.TDS	234	*1000*
5	BOD_5 (20°C)(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	15,4	*50*
6	Sunfua (H_2S)(b)	mg/L	TCVN 6637:2000	0,05	*4*
7	Amoni (tính theo N)(b)	mg/L	TCVN 5988:1995	1,4	*10*
8	Nitrat (NO_3^- tính theo N)(b)	mg/L	SMEWW 4500-NO_3^- .E:2023	3,39	*50*
9	Phosphat (PO_4^{3-} tính theo P)(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,12	*10*
10	Chất hoạt động bề mặt(b)	mg/L	TCVN 6622-1:2009	0,99	*10*
11	Tổng Coliforms(b)	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2023	1.200	*5.000*

Ghi chú:
+ Mẫu do khách hàng gửi đến, tên mẫu và thông tin mẫu do khách hàng cung cấp

Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt

Cột B: Giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt

Hà Nội, ngày 09 tháng 11 năm 2024

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM	CÁN BỘ QA/QC	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Duyên	Hoàng Thị Kim Anh	ThS. Đỗ Thị Duyên

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM

1. (-) Không quy định
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

a) Thửa đất số: 56 , tờ bản đồ số: 42

b) Địa chỉ: Thôn Thái Hòa, xã Phù Lưu, huyện Lộc Hà, Tỉnh Hà Tĩnh

c) Diện tích: 49341,1m², (bằng chữ: bốn mươi chín nghìn ba trăm bốn mươi mốt phẩy một mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng

đ) Mục đích sử dụng: Đất nông nghiệp khác

e) Thời hạn sử dụng: Thời hạn sử dụng đất đến ngày 23/10/2068

g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác:

Tên công trình: Trang trại chăn nuôi tổng hợp

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m²)	Diện tích sàn (m²) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
Nhà điều hành	100,3	100,3	Riêng	Cấp 4	-/-
Nhà chăn nuôi	6312,5	6312,5	Riêng	Cấp 4	-/-
Nhà ủm và nuôi gia cầm	200,9	200,9	Riêng	Cấp 4	-/-
Nhà nuôi lợn siêu nạc	431,4	431,4	Riêng	Cấp 4	-/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-.

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú: Không.

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

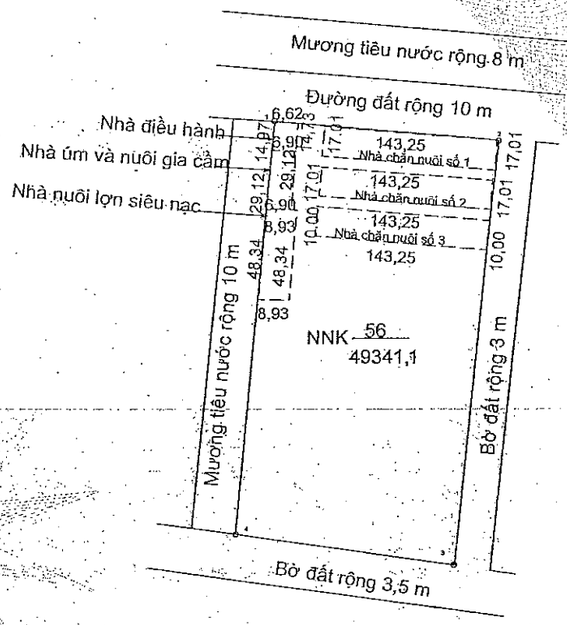

Cạnh	Chiều dài(m)
1-2	162,82
2-3	309,82
3-4	159,79
4-1	302,24

Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 12 năm 2020

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH HÀ TĨNH

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG
TỈNH HÀ TĨNH

Trần Hữu Khanh

Số vào sổ cấp GCN CS: 04017

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

BẢN VẼ BỂ TỰ HOẠI 3 NGĂN

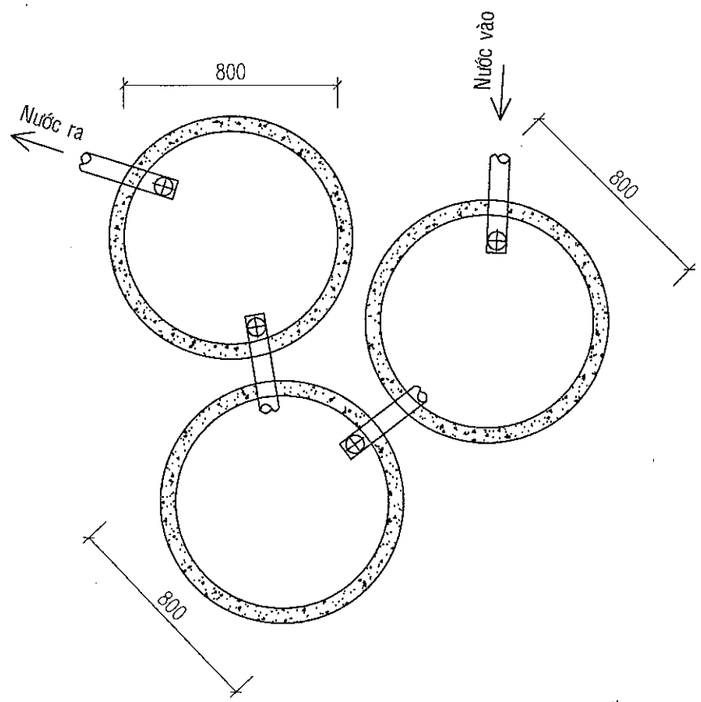

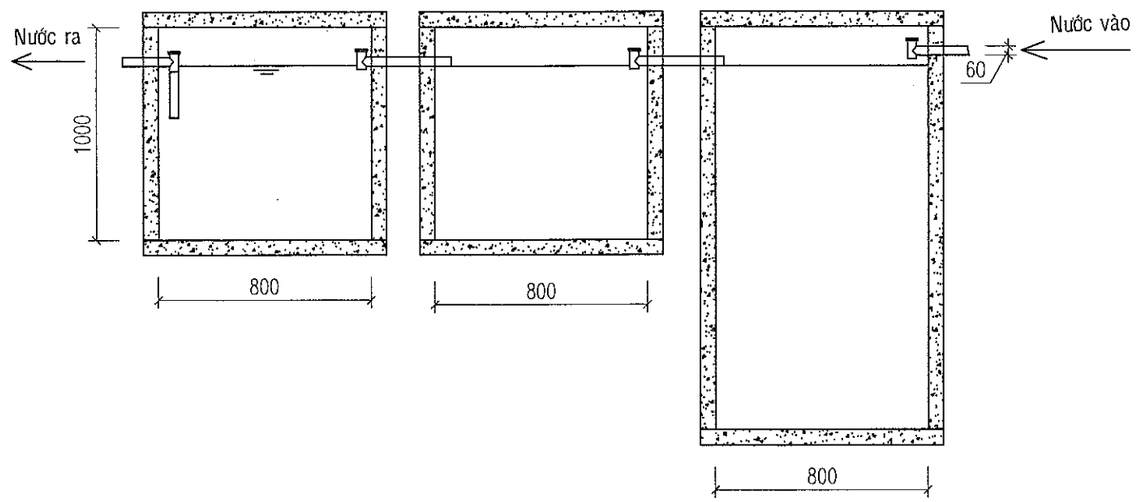

Ghi chú:

- Kích thước trong bản vẽ tính bằng mm
- Ống được làm bằng BTCT

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ	GIÁM ĐỐC	CHỦ TRÌ	NGUYỄN NGỌC TÚ	CHỦ ĐẦU TƯ	
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG HÀ TĨNH Đ/c: Thôn Bắc Bình, xã Tượng Sơn, huyện Thạch Hà, TP Hà Tĩnh Điện thoại: 0913.492.568 - 0386.84.1234 Email: moitronghatinh@gmail.com - Web: moitruonghatinh.com	KS. NGUYỄN NGỌC TÚ	THIẾT KẾ	TRƯƠNG HUY TUẤN	BÀ NGUYỄN THỊ THANH THỦY Đ/c: Xã Phù Lưu, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh	
		TRIỂN KHAI	LƯU THỊ THỦY		
		QLKT	THIỀU ĐỨC ANH		
					HOÀN THÀNH : / BẢN VẼ SỐ:

HỒ SINH HỌC

Cơ sở Trang trại chăn nuôi tổng hợp tại xã Phù Lưu, huyện Lộc Hà

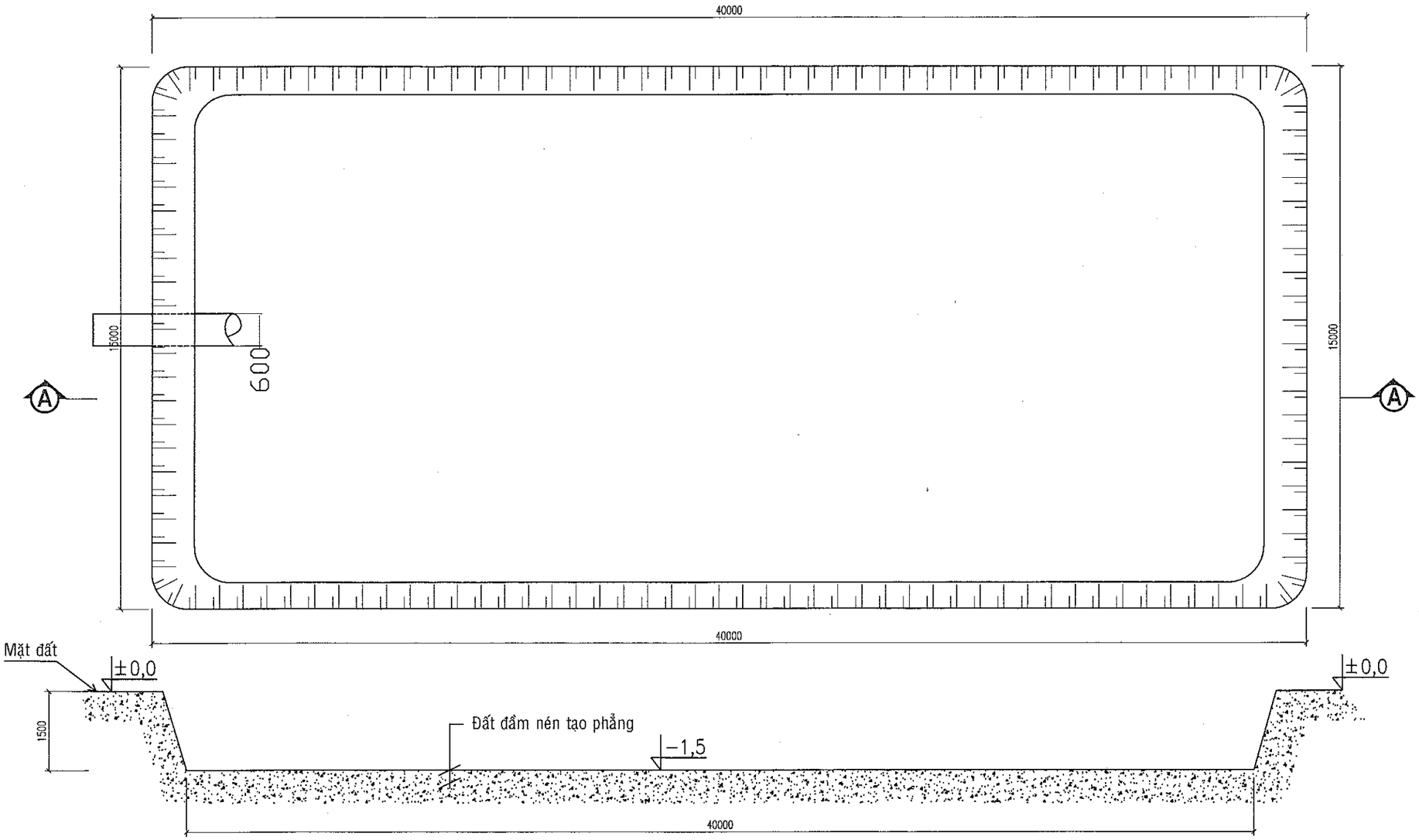

MẶT CẮT A - A

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ	GIÁM ĐỐC	CHỦ TRÌ	NGUYỄN NGỌC TÚ	CHỦ ĐẦU TƯ	
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG HÀ TĨNH	KS. NGUYỄN NGỌC TÚ	THIẾT KẾ	TRƯƠNG HUY TUẤN	BÀ NGUYỄN THỊ THANH THỦY	HOÀN THÀNH :
Đ/c: Thôn Bắc Bình, xã Tượng Sơn, huyện Thạch Hà, TP Hà Tĩnh		TRIỂN KHAI	LƯU THỊ THỦY	Đ/c: Xã Phù Lưu, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh	BẢN VẼ SỐ:
Điện thoại: 0913.492.568 - 0386.84.1234		QLKT	THIỀU ĐỨC ANH		
Email: moitronghatinh@gmail.com - Web: moitruonghatinh.com					

CHỦ ĐẦU TƯ: ĐẶNG VĂN ÁNH

CÔNG TRÌNH: TRANG TRẠI CHĂN NUÔI TỔNG HỢP

BẢN ĐỒ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

ĐỊA ĐIỂM: THÔN THÁI HÒA - XÃ PHÙ LƯU - HUYỆN LỘC HÀ - TỈNH HÀ TĨNH

TỶ LỆ: 1/500

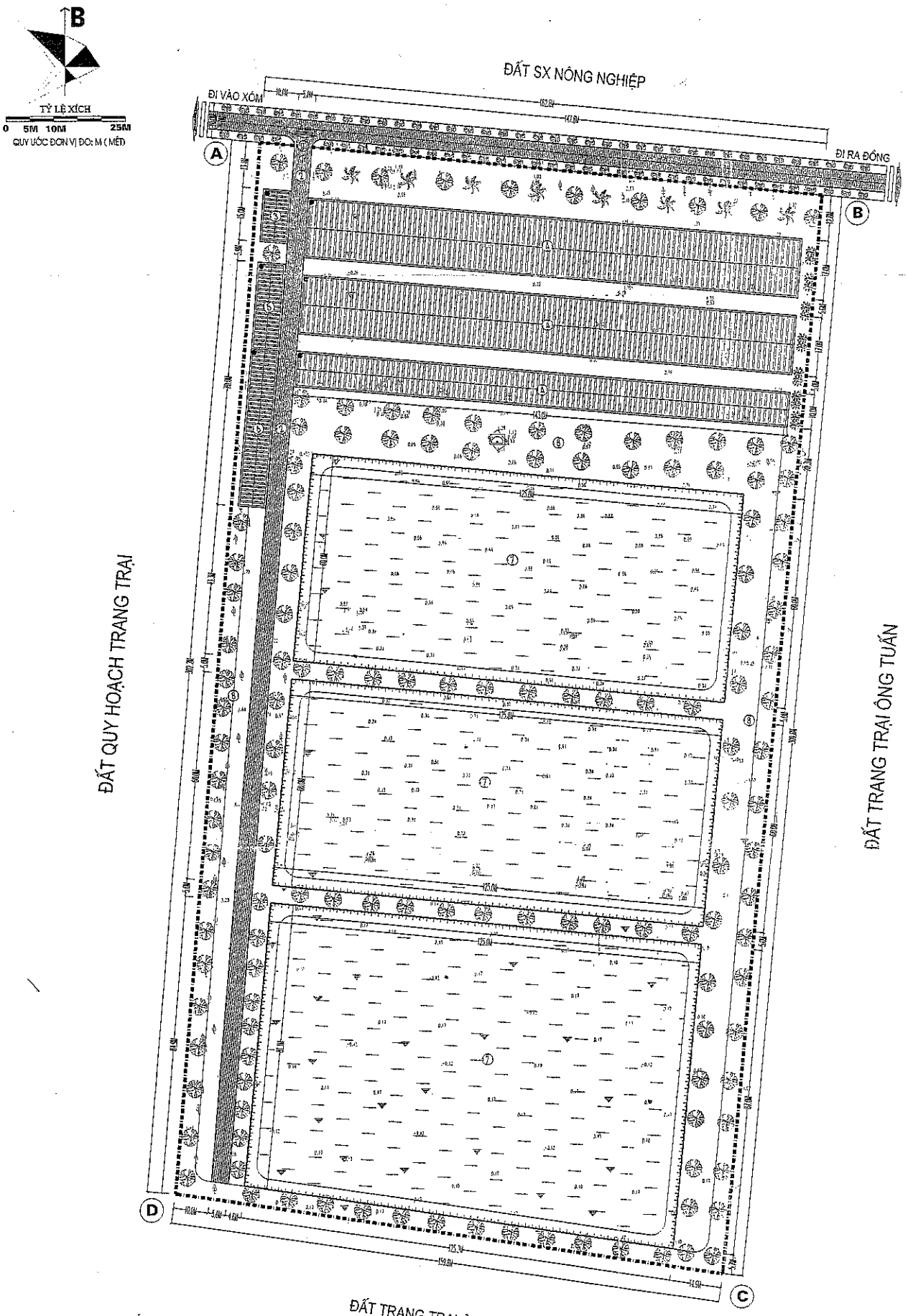

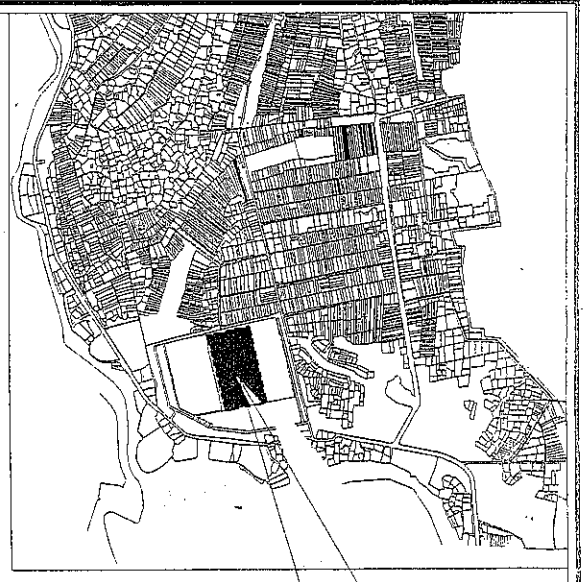

VỊ TRÍ KHU ĐẤT

GHI CHÚ

- RANH GIỚI QUY HOẠCH
- CÁC CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
- ĐƯỜNG GIAO THÔNG
- ĐẤT CÂY XANH
- KÝ HIỆU SỐ TẦNG CAO
- MÁI TALUY

PHẠM VI RANH GIỚI:

- GIỚI HẠN KHU ĐẤT: A, B, C, D
- PHÍA BẮC GIÁP: ĐẤT SX NÔNG NGHIỆP, DÀI 162.8M;
- PHÍA ĐÔNG GIÁP: ĐƯỜNG BÊ TÔNG, DÀI 309.8M;
- PHÍA NAM GIÁP: ĐẤT TRANG TRẠI, DÀI 159.8M;
- PHÍA TÂY GIÁP: ĐẤT QUY HOẠCH TRANG TRẠI, DÀI 302.2M.

CÁC THÔNG SỐ QUY HOẠCH:

- DIỆN TÍCH KHU ĐẤT: 49341.1 M2
- TỔNG DIỆN TÍCH XD: 6972.00 M2
- TỔNG DIỆN TÍCH SÀN: 6972.00 M2
- TẦNG CAO: 01 TẦNG
- MẬT ĐỘ XÂY DỰNG = 14.13 %
- HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT = 0,1413 LẦN

BẢNG TỔNG HỢP SỬ DỤNG ĐẤT

HIỆU	TÊN DANH MỤC	TÍCH (M2)
1	LỐI VÀO	-
2	SÂN ĐƯỜNG NỘI BỘ	1489.03
3	NHÀ ĐIỀU HÀNH	120.00
4	CHUỒNG NUÔI GIA CẦM (3 NHÀ)	6292.00
5	CHUỒNG ÚM VÀ CHĂN NUÔI GIA CẦM	200.00
6	CHUỒNG NUÔI LỢN SIÊU NẠC	360.00
7	AO NUÔI CÁ	25503.93
8	CÂY XANH CẢNH QUAN VÀ CÁCH LY	15376.14
	TỔNG	49341.10

CƠ QUAN CHẤP THUẬN — CHỦ TỊCH

UBND HUYỆN LỘC HÀ

NGÀY 09 THÁNG 9 NĂM 2020

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH — TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG KINH TẾ - HẠ TẦNG

Số 74

NGÀY 02 THÁNG 9 NĂM 2020

CƠ QUAN THỎA THUẬN — CHỦ TỊCH

UBND DÂN XÃ PHÙ LƯU

NGÀY 04 THÁNG 9 NĂM 2020

CHỦ HỘ

KÈM THEO TỜ TRÌNH NGÀY 09 THÁNG 9 NĂM 2020 — ĐẶNG VĂN ÁNH

TRANG TRẠI CHĂN NUÔI TỔNG HỢP

ĐỊA ĐIỂM X.D : THÔN THÁI HÒA - XÃ PHÙ LƯU - HUYỆN LỘC HÀ - TỈNH HÀ TĨNH

BẢN ĐỒ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

BẢN VẼ :	QH-01	GHÉP : 1*A2	NĂM 2020
THIẾT KẾ + THỂ HIỆN	KTS .PHAN VĂN HOÀNG		
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	KTS . TRẦN THANH SƠN		

GIÁM ĐỐC

TRẦN VĂN TÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ENVICO

ĐỊA CHỈ : SỐ 87 - ĐƯỜNG LÊ DUẨN - TP HÀ TĨNH - TỈNH HÀ TĨNH

TEL: 02393 842 999 MOBILE: 0901 742 999